

Số: 307/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc bổ sung, điều chỉnh, giao kế hoạch đầu tư công trung
hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung
ương và địa phương (đợt 3);

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên: số
160/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn
05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên; số 193/NQ-HĐND ngày 26 tháng
4 năm 2022 về dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05
năm giai đoạn 2021-2025 và phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách cấp
tỉnh năm 2021; số 217/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc điều
chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 và
bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Hưng Yên;

Thực hiện Kết luận số 638-KL/TU ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại Hội
nghị lần thứ 19 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 về
kinh tế - xã hội, tài chính - ngân sách và đầu tư công;

Xét Tờ trình số 215/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai
đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 931/BC-KTNS ngày 06 tháng
12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai
đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên với các nội dung sau:

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung là **53.889.955 triệu đồng**; cụ thể:

- 1.1. Vốn cân đối ngân sách địa phương là 46.321.125 triệu đồng, bao gồm:
- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức 3.348.400 triệu đồng (trong đó: cấp tỉnh quản lý là 2.672.528 triệu đồng; cấp huyện quản lý là 675.872 triệu đồng);
 - Nguồn thu từ tiền sử dụng đất là 42.317.226 triệu đồng (trong đó: cấp tỉnh quản lý là 36.317.226 triệu đồng; cấp huyện, cấp xã quản lý là 6.000.000 triệu đồng);
 - Nguồn vốn khác (nguồn thu hồi vốn ứng trước GPMB dự án đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình) là 199.000 triệu đồng;
 - Nguồn vốn xổ số kiến thiết là 80.105 triệu đồng;
 - Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2021 là 376.394 triệu đồng.
- 1.2. Nguồn vốn ngân sách Trung ương là **7.568.830 triệu đồng**, bao gồm:
- Vốn ngân sách Trung ương trong nước là 7.378.730 triệu đồng;
 - Vốn nước ngoài là 190.100 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số I kèm theo).

2. Điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ nguồn vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên sau điều chỉnh, bổ sung là **53.889.955 triệu đồng**; trong đó:

- 2.1. Vốn cân đối ngân sách địa phương là **46.321.125 triệu đồng**, trong đó:
- a) Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 đã giao tại Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 217/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh là 21.729.669 triệu đồng
 - b) Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 giao bổ sung cho các dự án đã đảm bảo điều kiện phân vốn, số tiền là 7.537.551 triệu đồng.
 - c) Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 giao bổ sung cho Quỹ phát triển đất, số tiền là 200.000 triệu đồng (trong đó: số vốn đã giao năm 2021 là 100.000 triệu đồng, dự kiến giao năm 2023 là 100.000 triệu đồng).

(Chi tiết theo Phụ lục số II kèm theo).

d) Nguồn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành 75.028 triệu đồng.

đ. Số vốn cân đối ngân sách tỉnh còn lại 16.778.877 triệu đồng chưa được quyết định chủ trương đầu tư; tiếp tục phân bổ kế hoạch trung hạn cho các chương trình, dự án sau khi đã có chủ trương đầu tư được phê duyệt theo quy định.

2.2. Vốn ngân sách Trung ương **7.568.830 triệu đồng**, trong đó:

- a) Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 đã giao tại Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 217/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 tháng 2022 của HĐND tỉnh là **3.702.830 triệu đồng**.

b) Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 giao bổ sung thực hiện các dự án thành phần thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 đoạn qua tỉnh Hưng Yên là **3.740.000 triệu đồng** và giao bổ sung thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội là **126.000 triệu đồng** (thực hiện phân bổ sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư trung hạn cho các dự án thuộc Chương trình).

(Chi tiết theo Phụ lục số III kèm theo).

3. Các nội dung khác không thay đổi được thực hiện theo kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên tại các Nghị quyết: số 160/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; số 217/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, Kỳ họp thứ Mười một nhất trí thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. / . *trung*

Nơi nhận: *ng*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn
Trần Quốc Toàn

PHỤ LỤC SỐ I

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 307/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	53.889.955	
A	PHÂN THEO CẤP QUẢN LÝ		
I	NGUỒN VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ	47.214.083	
1	Cân đối ngân sách địa phương	39.645.253	
a	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức	2.672.528	
b	Nguồn thu sử dụng đất điều tiết về cấp tỉnh quản lý	36.317.226	
-	<i>Nguồn thu sử dụng đất điều tiết về cấp tỉnh quản lý</i>	34.902.047	
-	<i>Nguồn thu tiền sử dụng đất trong Khu đại học Phố Hiến</i>	1.415.179	
c	Nguồn thu hồi vốn ứng trước	199.000	
d	Vốn sở xố kiến thiết	80.105	
đ	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2021	376.394	
2	Vốn ngân sách Trung ương	7.568.830	
a	Vốn trong nước	7.378.730	
	<i>Trong đó:</i>		
-	<i>Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>	126.000	
-	<i>Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, dự án trọng điểm khác</i>	5.740.000	
-	<i>Thực hiện CTMT quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>	85.030	
b	Vốn nước ngoài	190.100	
II	NGUỒN VỐN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ QUẢN LÝ	3.675.872	<i>Nguồn thu tiền sử dụng đất do cấp huyện, cấp xã chủ động bổ sung theo Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh</i>
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức	675.872	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.000.000	
III	NGUỒN VỐN CẤP XÃ QUẢN LÝ	3.000.000	
1	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.000.000	
B	PHÂN THEO NGUỒN VỐN		
I	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	46.321.125	
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức	3.348.400	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	42.317.226	
3	Nguồn thu hồi vốn ứng trước GPMB dự án nổi hai cao tốc	199.000	
4	Vốn sở xố kiến thiết	80.105	
5	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2021	376.394	
II	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	7.568.830	
1	Vốn trong nước	7.378.730	
	<i>Trong đó:</i>		
-	<i>Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>	126.000	
-	<i>Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, dự án trọng điểm khác</i>	5.740.000	
-	<i>Thực hiện CTMT quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>	85.030	
2	Vốn nước ngoài	190.100	



Handwritten signature


PHỤ LỤC SỐ II
DANH MỤC NHIỆM VỤ, CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM
GIẢI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 307/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT		Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT			
			Tổng số			Trong đó: Ngân sách tỉnh
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ		8.546.096	8.184.663	7.812.579	
A	ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN		8.546.096	8.184.663	7.737.551	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		6.770.352	6.598.703	6.093.703	
	Dự án khởi công mới		6.770.352	6.598.703	6.093.703	
	Dự án quan trọng quốc gia					
1	Dự án thành phần 2.2 của Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Vùng thủ đô Hà Nội: Xây dựng đường song hành (đường đô thị) địa phận tỉnh Hưng Yên	56/2022/QH15	1.505.000	1.505.000	1.000.000	
	Dự án nhóm B					
1	Xây dựng đường bên đoạn km19+640 (giao QL.38B) đến Km24+240 (giao QL.39) tiếp giáp tuyến đường bộ nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	220/NQ-HĐND ngày 07/7/2022	630.000	630.000	630.000	
2	Xây dựng đường Chí Tân - Toàn Thắng (giao QL.39)	226/NQ-HĐND ngày 07/7/2022	572.000	572.000	572.000	
3	Xây dựng đường Chính Nghĩa - Phú Cường	227/NQ-HĐND ngày 07/7/2022	675.000	675.000	675.000	
4	Đầu tư xây dựng đường ĐT.382B đoạn Km14+420 - Km26+730 (nhánh trái và nhánh phải)	222/NQ-HĐND ngày 07/7/2022	654.000	654.000	654.000	
5	Đầu tư xây dựng ĐT.382B nhánh trái, đoạn Km2+350-Km14+420	221/NQ-HĐND ngày 07/7/2022	490.860	490.860	490.860	
6	Đầu tư xây dựng đường Vân Du - Phù Ủng (đoạn từ nút giao ĐT.376 đến ĐT.382, huyện Ân Thi	228/NQ-HĐND ngày 07/7/2022	356.000	356.000	356.000	
7	Xây dựng đường tỉnh 376B (đoạn kết nối QL.39 với ĐT.386C)	223/NQ-HĐND ngày 07/7/2022	560.000	560.000	560.000	
8	Cải tạo, nâng cấp mở rộng ĐT.382 đoạn từ nút giao giữa tuyến tránh ĐT.376 với ĐT.382 đến giao với QL.39 và đoạn tuyến quy hoạch mới tránh ngã tư Tân Việt	263/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	262.000	262.000	262.000	
9	Xây dựng đường Chùa Chuông kéo dài, thành phố Hưng Yên	256/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	284.000	284.000	284.000	
10	Xây dựng tuyến ĐT.377 đoạn quy hoạch mới tránh thị trấn Lương Bằng (từ Ngã ba Thuần Hưng đến giao với ĐH.71)	270/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	178.000	178.000	178.000	
11	Xây dựng mới tuyến đường từ điểm giao QL.39 (tại thôn Trương Xá, xã Toàn Thắng, huyện Kim Động) đến điểm giao đường nối hai cao tốc Hà Nội-Hải Phòng và Cầu Giẽ-Ninh Bình	265/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	90.000	63.000	63.000	
12	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.62 (đoạn từ QL.38 cũ đến ĐT.384)	268/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	91.378	63.964	63.964	
13	Xây dựng đường gom ven 2 bên QL.39 thuộc địa bàn xã Chính Nghĩa, Hiệp Cường và thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động	266/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	78.000	64.000	64.000	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT		Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT			
			Tổng số			Trong đó: Ngân sách tỉnh
1	2	3	4	5	6	7
	Dự án nhóm C					
1	Đường giao thông xã Trung Nghĩa (đoạn từ sông Đổng Lỗ đến khu dân cư mới xã Trung Nghĩa)	255/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	77.835	54.484	54.484	
2	Đường giao thông An Tào - Trung Nghĩa (đoạn từ sông Điện Biên đến sông Tân An)	254/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	89.379	62.565	62.565	
3	Xây dựng cầu Đổng Lương trên tuyến ĐH.72 huyện Kim Động	271/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	40.000	28.000	28.000	
4	Xây dựng cầu Phú Cốc, xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động	273/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	20.000	14.000	14.000	
5	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.66 (đoạn từ ĐT.376 cũ đến ĐH.63)	269/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	48.000	33.600	33.600	
6	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Đào Dương (đoạn từ giao ĐH.61 tại thôn Phần Lâm đến giao ĐT.384 tại thôn Đào Xá)	272/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	14.900	10.430	10.430	
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.20 (từ cầu Tráng Vũ đến hết địa phận xã Đổng Than, huyện Yên Mỹ)	267/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	20.000	14.000	14.000	
8	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường vào Trường bản, xã Hiệp Cường, huyện Kim Động	274/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	34.000	23.800	23.800	
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN; THỦY LỢI		698.074	688.000	687.671	
	Dự án khởi công mới		688.500	678.500	678.500	
	Dự án nhóm B					
1	Cải tạo, nâng cấp đê tả sông Hồng, tỉnh Hưng Yên (đoạn từ K117+900 đến K127+000)	248/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	250.000	250.000	250.000	
2	Cải tạo, nạo vét và kè mái kênh Trần Thành Ngọ, tỉnh Hưng Yên	247/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	250.000	250.000	250.000	
	Dự án nhóm C					
1	Cải tạo, kè mái sông S6-1 huyện Kim Động	250/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	28.000	28.000	28.000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng và hệ thống kênh Nghè Mạc, huyện Yên Mỹ	251/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	50.000	50.000	50.000	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường và kênh sau đầu mỗi trạm bơm Sài Thị, huyện Khoái Châu	249/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	26.300	26.300	26.300	
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi và đường sản xuất vùng chuyên canh hoa, cây cảnh xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	252/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	31.000	21.000	21.000	
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh sau đầu mỗi trạm bơm Cầu Đùng, huyện Yên Mỹ	276/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	26.700	26.700	26.700	
6	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường và kênh sau đầu mỗi trạm bơm Việt Hoà, huyện Khoái Châu	275/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	26.500	26.500	26.500	
	Đề án phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế vùng bãi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025		9.574	9.500	9.171	



 [Signature]

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT			
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn tại 04 xã: Đông Ninh, huyện Khoái Châu; Hùng An, huyện Kim Động; Hoàng Hanh, thành phố Hưng Yên và Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ theo Đề án phát triển kinh tế vùng bãi	2261/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	9.574	9.500	9.171	
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		498.269	433.105	432.905	
a	Dự án hoàn thành, đã phê duyệt quyết toán		39.069	228	28	
	Xây dựng Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên (giai đoạn I)	2151/QĐ-UBND ngày 29/10/2010; 2184/QĐ-UBND ngày 23/9/2022	39.069	228	28	
b	Dự án khởi công mới		459.200	432.877	432.877	
	Dự án nhóm B					
1	Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên (giai đoạn II)	295/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	45.000	45.000	45.000	
2	Xây dựng Trường THCS xã Việt Cường, huyện Yên Mỹ	300/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	46.960	32.872	32.872	
	Dự án nhóm C					
1	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng Trường THPT Văn Lâm, huyện Văn Lâm	282/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	25.000	25.000	25.000	
2	Xây dựng nhà lớp học kết hợp một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Như Quỳnh, điểm trường thôn Ngô Xuyên, huyện Văn Lâm	297/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	14.950	12.000	12.000	
3	Xây dựng Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Trung Trắc, huyện Văn Lâm	298/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	20.000	16.000	16.000	
4	Nhà đa năng Trường THPT Trần Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ	279/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	9.000	9.000	9.000	
5	Nhà lớp học kết hợp một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Tiên Lữ, huyện Tiên Lữ	281/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	25.000	25.000	25.000	
6	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS Bắc Sơn, huyện Ân Thi	299/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	7.000	3.215	3.215	
7	Nhà lớp học, phòng tổ bộ môn, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Trung Ngạn, huyện Ân Thi	285/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	24.110	24.110	24.110	
8	Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Mỹ Hào, thị xã Mỹ Hào	294/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	25.000	25.000	25.000	
9	Nhà tổ bộ môn, khu luyện tập thể thao có mái che và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ	291/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	28.500	28.500	28.500	
10	Nhà lớp học bộ môn kết hợp một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Minh Châu, huyện Yên Mỹ	293/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	25.400	25.400	25.400	
11	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Trần Quang Khải, huyện Khoái Châu	289/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	21.500	21.500	21.500	
12	Nhà lớp học, thư viện và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Dương Quảng Hàm, huyện Văn Giang	286/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	29.000	29.000	29.000	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT			
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7
13	Nhà lớp học, một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Kim Động, huyện Kim Động	287/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	33.480	33.480	33.480	
14	Xây dựng một số phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Triệu Quang Phục, huyện Yên Mỹ	290/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	23.500	23.500	23.500	
15	Nhà lớp học 4 tầng và một số hạng mục phụ trợ Trường THCS Tân Việt, huyện Yên Mỹ	296/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	20.000	18.500	18.500	
16	Xây mới nhà đa năng, nhà vệ sinh học sinh và cải tạo nhà lớp học 3 tầng Trường THPT Đức Hợp, huyện Kim Động	292/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	14.800	14.800	14.800	
17	Nhà lớp học, một số phòng chức năng và sân đường Trường THPT Phạm Ngũ Lão, huyện Ân Thi	288/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	21.000	21.000	21.000	
V	LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		324.959	239.959	105.239	
a	Dự án hoàn thành, đã phê duyệt quyết toán		135.359	135.359	639	
1	Xây dựng, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Phố Nối tỉnh Hưng Yên (giai đoạn II)					
	- Hạng mục: Khối tổng hợp No,24, nhà đại thể N0.27, sân đường, bồn hoa nội bộ, cấp thoát nước ngoài khu vực đã xây dựng và khối nội tổng hợp No.25 thuộc dự án Xây dựng, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Phố Nối tỉnh Hưng Yên (giai đoạn II)	2137/QĐ-UBND ngày 21/10/2009; 2376/QĐ-UBND ngày 21/8/2017	43.360	43.360	91	
	- Hạng mục: Xây dựng nhà thường trực (N0.16), bể nước ngầm, trạm bơm (N0,21, N0,22), sân đường bồn cây nội bộ, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy, cấp điện và chiếu sáng ngoài nhà (phần còn lại của dự án) thuộc dự án Xây dựng, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Phố Nối tỉnh Hưng Yên (giai đoạn II)	2137/QĐ-UBND ngày 21/10/2009; 2615/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	12.362	12.362	137	
	- Hạng mục: Khối nhà kỹ thuật nghiệp vụ 2 (N0.03B) và khối nhà cầu (N0.30F, H, M) thuộc dự án Xây dựng, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Phố Nối tỉnh Hưng Yên (giai đoạn II)	2137/QĐ-UBND ngày 21/10/2009; 2616/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	74.114	74.114	362	
	- Hạng mục: Khoa giải phẫu bệnh lý (N0.07) thuộc dự án Xây dựng, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Phố Nối tỉnh Hưng Yên (giai đoạn II)	2137/QĐ-UBND ngày 21/10/2009; 2617/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	5.524	5.524	49	
b	Dự án khởi công mới		189.600	104.600	104.600	
	Dự án nhóm B					
1	Nhà kỹ thuật nghiệp vụ và cấp cứu Trung tâm y tế huyện Yên Mỹ	253/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	75.000	25.000	25.000	
2	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Văn Giang	280/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	50.000	25.000	25.000	
	Dự án nhóm C					
1	Khối hành chính quản trị, nhà cầu và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Hưng Yên	277/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	29.600	29.600	29.600	
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Văn Lâm	278/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	35.000	25.000	25.000	



B. Hưng

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT			
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7
VI	LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI		123.907	94.361	87.498	
a	Dự án chuyển tiếp					
	Xây dựng khu di tích Nguyễn Thiện Thuật, xã Xuân Dục, huyện Mỹ Hào	1281/QĐ-UBND ngày 07/6/2019; 3474/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	42.209	12.663	5.800	
b	Dự án khởi công mới		81.698	81.698	81.698	
	Dự án nhóm C					
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phục Lễ, xã Hùng An, huyện Kim Động	240/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	10.791	10.791	10.791	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Bình Phú, xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ	237/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	4.214	4.214	4.214	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi	241/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	6.599	6.599	6.599	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Phủ Diêm, xã Minh Phương, huyện Tiên Lữ	245/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	5.525	5.525	5.525	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Đồng (Tam Giang), xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm	238/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	2.800	2.800	2.800	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Đan, xã Hồng Vân, huyện Ân Thi	244/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	2.142	2.142	2.142	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Khúc Lộng, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang	239/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	5.337	5.337	5.337	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Hàm Tử, xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu	235/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	10.550	10.550	10.550	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích Văn chỉ Bình Dân – Đình Bình Dân, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu	246/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	19.885	19.885	19.885	
10	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Trà Phương, xã Hồng Vân, huyện Ân Thi	243/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	3.185	3.185	3.185	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cửu Cao, xã Cửu Cao, huyện Văn Giang	236/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	4.500	4.500	4.500	
12	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình An Tào, xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ	242/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	6.170	6.170	6.170	
VII	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG		130.535	130.535	130.535	
	Dự án khởi công mới		130.535	130.535	130.535	
	Dự án nhóm B					
1	Công trình CBA1-18 tỉnh Hưng Yên	264/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	130.535	130.535	130.535	
VIII	BỔ SUNG VỐN CHO CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH				200.000	
1	Quỹ phát triển đất				200.000	
C	DỰ PHÒNG				75.028	

PHỤ LỤC SỐ III
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 307/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/Quyết định CTĐT			Kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT			
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách trung ương		
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ		3.866.000	3.866.000	3.866.000	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		3.740.000	3.740.000	3.740.000	
	Dự án khởi công mới năm 2023		3.740.000	3.740.000	3.740.000	
	Dự án quan trọng quốc gia					
	Dự án thành phần 1.2 của Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Vùng thủ đô Hà Nội: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hệ thống đường cao tốc, đường song hành (đường đô thị), hạ tầng kỹ thuật và hành lang dự trữ đường sắt quốc gia) thuộc địa phận tỉnh Hưng Yên	56/2022/QH15	3.740.000	3.740.000	3.740.000	
II	LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		126.000	126.000	126.000	
	THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI		126.000	126.000	126.000	
	Dự án khởi công mới năm 2023		126.000	126.000	126.000	
	<i>Dự án nhóm B</i>					
	Đầu tư xây mới, nâng cấp, mở rộng 40 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Hưng Yên	284/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	106.000	106.000	106.000	
	<i>Dự án nhóm C</i>					
	Đầu tư mua sắm trang thiết bị 155 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Hưng Yên	283/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	20.000	20.000	20.000	

Bruny

